

Số: 71 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Thực hiện Quyết định số 95/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam, ngày 13/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446260, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/9/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2019.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất, kinh doanh hóa chất cơ bản; chế biến các sản phẩm muối dùng trong thực phẩm; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: có trụ sở văn phòng, 06 chi nhánh/đơn vị trực thuộc và 01 Công ty con bao gồm:

+ Trụ sở văn phòng doanh nghiệp, địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nhà máy hóa chất Biên Hòa, địa chỉ: đường 5, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Nhà máy hóa chất Tân Bình 2, địa chỉ: tại đường 5, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Nhà máy hóa chất Đồng Nai, địa chỉ: đường 1, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Chi nhánh Tân Bình, địa chỉ: 139 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Mỏ Bô-xít Bảo Lộc, địa chỉ: 62 Lý Thường Kiệt, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (đang ngưng hoạt động khai thác và đang chờ hoàn tất các thủ tục giải thể).

+ Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch, địa chỉ: khu công nghiệp Nhơn Trạch 6, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (đang chuẩn bị dự án đầu tư).

+ Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam, địa chỉ: khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (doanh nghiệp góp 65,05% vốn điều lệ).

- Điện thoại giao dịch: 028 3829 6620; Fax: 028 3824 3166.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 31010000103713 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tài khoản số 111000004592 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm thanh tra): 600 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	-	1.462.352	-	1.578.526	-
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	-	1.462.352	-	1.578.526	-
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.415.731	1.567.376	1.553.210	1.332.089	1.268.802
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.159.684	1.233.170	1.250.746	1.031.190	986.726
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	385.312	483.315	437.865	433.809	125.954
6	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu đồng	256.047	334.205	302.464	300.899	282.076
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	174.895	189.458	204.406	157.940	166.843

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Đã xây dựng và ban hành Quy định về tuyển dụng và quản lý nhân sự theo Quyết định số 1077/QĐ-HCCB ngày 01/11/2022. Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên website của doanh nghiệp và thông báo trong nội bộ doanh nghiệp.

- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số liệu tính tại thời điểm thanh tra:

+ Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 06 người (Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát và kiểm soát viên).

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 581 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 581 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 495 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 86 người.

+ Số người thử việc: 13 người. Doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

+ Kiểm tra xác suất 05 hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Trần Trương Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Tấn Huy, Lê Phương Đông và Nguyễn Khánh Linh), mục công việc phải làm ghi do trưởng phòng/ phụ trách đơn vị phân công.

+ Số người lao động thuê lại: không.

+ Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 29 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 10 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 356.376.570 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

- Đang áp dụng thoả ước lao động tập thể năm 2021 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập

thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Thỏa ước lao động có một số thoả thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ, trợ cấp đột xuất khó khăn, mua bảo hiểm sức khỏe.

- Đã thực hiện các nội dung thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể.

- Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/5/2021.

- Đang áp dụng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 263/QĐ-HCCB ngày 25/3/2021 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Thang lương, bảng lương áp dụng từ ngày 01/05/2020 (Quyết định số 479/TB-NSHC ngày 13/5/2020 của Tổng giám đốc).

- Đã xây dựng định mức lao động cho người lao động làm việc trực tiếp tại các nhà máy.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ	Số lao động	MLBQ
Lao động quản lý	22	22,38	23	23,83
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	180	10,345	177	10,342
Công nhân trực tiếp SXKD	390	9,149	379	9,189
Nhân viên thừa hành, phục vụ	60	8,575	60	8,507
Tổng số	652		638	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ): phụ cấp chức vụ, độc hại nguy hiểm, trách nhiệm.

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ	Số người	MPCBQ
Chức vụ	7	1,2 – 1,5	10	1,2 – 1,5
Trách nhiệm	152	0,5 – 0,8	171	0,5 – 0,8
Độc hại, nguy hiểm	372	0,3 – 0,6	360	0,3 – 0,6

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về các nội dung gồm: quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chấp thuận bằng văn bản (Công văn số 92/HCCB-NĐD ngày 18/01/2023 của doanh nghiệp, Công văn số 182/HCVN-TCNS ngày 12/2/2023 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Công văn số 114/HCCB-NĐD ngày 26/01/2024 của doanh nghiệp).

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Quỹ tiền lương năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ- ĐHQĐT ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông: quỹ tiền lương kế hoạch là 3,78 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 4,11 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 (theo Quyết định số 73/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) là 3,733 tỷ đồng; chưa phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.

- Doanh nghiệp đang sử dụng quy chế trả lương, thưởng ban hành theo Quyết định số 939/QĐ-HĐQT ngày 06/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 605,84 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 741,28 triệu đồng/người/năm, bằng 122% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 16,442 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 18,533 triệu đồng/người/tháng, bằng 113% tiền lương kế hoạch bình quân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2023 là 665,45 triệu đồng/người/năm.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2023 là 16,68 triệu đồng/người/tháng.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động khi thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái pháp luật.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: thực hiện nấu ăn tại trụ sở công ty và các đơn vị trực thuộc, mức tiền ăn ca là 45.000 đồng/suất/người.

- Các khoản phụ cấp khác (nếu có): phụ cấp thâm niên, độc hại bằng hiện vật, xăng xe, điện thoại.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất
1	Mức lương + phụ cấp	Triệu đồng /người/tháng	37,072	8,8	37,467	8,812
2	Tiền thưởng	Triệu đồng /người/tháng	17,44	5	15,775	5
3	Tổng thu nhập	Triệu đồng /người/tháng	54,512	13,8	53,242	13,812

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Tại thời điểm thanh tra, số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 06 người (Tổng Giám đốc, 3 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kiểm soát).

- Người quản lý không chuyên trách: 07 người (05 thành viên Hội đồng quản trị, 02 thành viên Ban kiểm soát).

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

- Quỹ tiền lương năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ- ĐHQQT ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch là 3,78 tỷ đồng;

+ Quỹ tiền lương thực hiện là 4,11 tỷ đồng.

- Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

STT	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	55,4	54,7
2	Phó Tổng Giám đốc	44,1	43,2
3	Phó Tổng Giám đốc	43,9	43,6

4	Phó Tổng Giám đốc	45,1	44,1
5	Kế toán trưởng	40,2	40,32
6	Trưởng ban Kiểm soát	40,3	40,2

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: quỹ thù lao của người quản lý được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý như sau:

STT	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10	10
2	Thành viên Hội đồng quản trị	8	8
3	Thành viên Hội đồng quản trị	8	8
4	Thành viên Hội đồng quản trị	8	8
5	Thành viên Hội đồng quản trị	8	8
6	Kiểm soát viên	6	6
7	Kiểm soát viên	6	6

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý:

+ Quỹ khen thưởng năm 2022 là 513,75 triệu đồng theo Nghị quyết số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông.

+ Quỹ khen thưởng năm 2023 chưa trích lập.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý theo quy định.

- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh:

STT	Chức danh	Tiền thưởng (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	5	Chưa chi
2	Phó Tổng Giám đốc	3,75	
3	Phó Tổng Giám đốc	3,75	
4	Phó Tổng Giám đốc	3,75	
5	Kế toán trưởng	3,33	
6	Trưởng ban Kiểm soát	2,92	

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác gồm: chi tham quan, nghỉ mát; quà tặng sinh nhật; quà tặng trúng thưởng, vui xuân đầu năm; hỗ trợ tàu xe về phép năm; chi mua bảo hiểm sức khỏe; hỗ trợ chi phí giữ trẻ, mẫu giáo; điện thoại, xăng xe đi làm hằng ngày, bồi dưỡng độc hại.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc doanh nghiệp.

- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Thông báo số 6994/TB-SLĐTBXH ngày 11/3/2021 về việc nhận đăng ký nội quy lao động).

- Điểm b khoản 28.5 Điều 28 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị xử lý kỷ luật.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 117 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc;

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

+ Hỗ trợ chi phí gửi trẻ, mẫu giáo 100.000 đồng/bé/tháng theo thông báo số 935/TB-HCCB ngày 29/8/2023.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật.

8.3. Đối với người lao động cao tuổi

- Số người lao động cao tuổi: 05 người (Dương Thị Kim Phụng, Vũ Thị Kim Vân, Đỗ Việt Thành, Nguyễn Văn Phết, Phạm Thị Mai Trinh).

- Đã thỏa thuận thời gian làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

- Đã thực hiện khám sức khỏe cho người lao động cao tuổi 6 tháng 01 lần.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã phân loại 401 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (239 người loại IV và 162 người loại V) để thực hiện chế độ liên quan.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đủ 05 nội dung và đã lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Đã bố trí 07 người trình độ đại học, chuyên ngành kỹ thuật làm công tác an toàn và môi trường theo chế độ chuyên trách.

- Đã bố trí 03 người làm công tác y tế (01 Y sỹ và 02 điều dưỡng) làm công tác y tế tại 3 nhà máy. Đã ký hợp đồng dịch vụ y tế số 30/2023/HĐLB ngày 4/1/2023 với Phòng khám quốc tế Long Bình để bảo đảm công tác y tế tại doanh nghiệp.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại các nhà máy sản xuất, tổng số gồm 59 người; đã chi trả phụ cấp mức 600.000 đồng/người/tháng.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 239 thiết bị (04 hệ thống lạnh, 120 thiết bị chịu áp lực, 53 thiết bị nâng và 62 bồn chứa hóa chất). Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị và còn hạn kiểm định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động (41 người nhóm I; 07 người nhóm II; 364 người nhóm III; 170 người nhóm IV; 03 người nhóm V và 59 người nhóm VI). Tuy nhiên, thẻ an toàn lao động đối với nhóm 3 do đơn vị huấn luyện cấp là không đúng quy định. Nội dung tài liệu huấn luyện (do đơn vị dịch vụ huấn luyện cung cấp) có nhiều văn bản đã hết hiệu lực.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi cấp phát, có ký nhận của người lao động theo quy định.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa) cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại (mức 1 và 2) theo Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động 1 lần/năm theo quy định. Kết quả quan trắc năm 2022 có 01/728 mẫu không đạt tiêu chuẩn, năm 2023 có 01/735 mẫu không đạt tiêu chuẩn (tiếng ồn).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động theo quy định. Tuy nhiên, túi y tế thiếu panh không mẫu thẳng, nẹp cổ theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; trong đó, 401 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám 06 tháng/lần;

- Đã tổ chức khám phát hiện bệnh dietic do tiếng ồn cho 152 người, bệnh viêm phế quản mãn tính nghề nghiệp cho 92 người, bệnh nhiễm độc asen cho 22 người lao động tiếp xúc với yếu tố gây bệnh, kết quả chưa phát hiện bệnh nghề nghiệp.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 582 người.

+ Số người đã tham gia: 582 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 13 người thử việc và 05 người lao động cao tuổi. Doanh nghiệp đã trả khoản tiền lương tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế vào cùng kỳ trả lương cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 1.776.963.680 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã ban hành Quy định về tuyển dụng và quản lý nhân sự; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có

thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.10. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.11. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.12. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động.

1.13. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.14. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.15. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.16. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.17. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.18. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.19. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.20. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.21. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.22. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.23. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.24. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.25. Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

1.26. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.27. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.28. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.29. Doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 582 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.30. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Trần Trương Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Tấn Huy, Lê Phương Đông và Nguyễn Khánh Linh), công việc phải làm ghi “do trưởng phòng/ phụ trách đơn vị phân công” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Hồ sơ Thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.5. Điểm b khoản 28.5 Điều 28 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.6. Thẻ an toàn lao động của người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cấp là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao

động; nội dung tài liệu huấn luyện (do đơn vị dịch vụ huấn luyện cung cấp) có nhiều văn bản đã hết hiệu lực.

2.7. Túi y tế thiếu panh không mầu trắng, nẹp cổ theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHÁC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.6 và 2.7.
- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.3 khi phát sinh.
- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *luu*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

